

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/5/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Dứt;

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày, qua tìm hiểu, bà S và ông Trần Văn T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 15/01/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trần Nhã Đ, sinh ngày 24/02/2018. Hiện tại, con chung đang được bà S nuôi dưỡng.

Sau 04 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ tháng 12/2021 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã Đ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 15/01/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Thị S và Trần Văn T (bản sao); Giấy khai sinh số 35, ngày 28/02/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang cấp đối với Trần Nhã Đ (bản sao).

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày, thống nhất với ý kiến của bà S về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung, người đang trực tiếp nuôi con chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2021 thì thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T đồng ý ly hôn với bà S; yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã Đ, sinh ngày 24/02/2018, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà S và ông T chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà S, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ tháng 12/2021 cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà S với ông T.

Về con chung, bà S, ông T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã Đ, sinh ngày 24/02/2018. Xét thấy, con chung đang được bà S nuôi dưỡng, chưa đủ 07 tuổi. Theo biên bản xác minh ngày 23/4/2022, chính quyền đại phương cung cấp, bà S có nghề nghiệp, tạo thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, con chung đang được bà S nuôi dưỡng tốt, khỏe mạnh. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà S đối với ông T; bà S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã Đ; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà S và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà S, ông T cùng xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung từ tháng 12/2021 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung, vợ chồng không tới lui thăm nom nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà S, ông T thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thống nhất thuận tình ly hôn của bà S và ông T phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà S và ông T.

[2.2] Về con chung: Bà S, ông T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Trần Nhã Đ, sinh ngày 24/02/2018. Bà S, ông T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà S nuôi dưỡng. Theo trình bày của bà S, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, bà S có nghề nghiệp tạo thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, con chung đang được bà S nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Bà S không ngăn cản, hạn chế việc thăm nom con chung của ông T. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu Đ cho bà S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S, ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 15/01/2018 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị S và ông Trần Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nhã Đ, sinh ngày 24/02/2018. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị S cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010093 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 01 năm 2022; bà Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị S, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình